

Số: 48/BC-MNTL

Thịnh Liệt, ngày 03 tháng 11 năm 2020

BÁO CÁO
Đề xuất đầu tư cơ sở vật chất
để công nhận chuẩn Quốc gia giai đoạn 2021 - 2025.

Căn cứ Thông tư số 17/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 18/2018/TT-BGDĐT, Thông tư số 19/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng giáo dục và công nhận đạt chuẩn Quốc gia đối với trường mầm non, trường tiểu học, trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học;

Căn cứ Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học; Thông tư số 14/2020/TT-BGDĐT ngày 26/5/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Ban hành Quy định phòng học bộ môn của cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Công văn số 407/PGD&ĐT ngày 28/10/2020 của phòng GD&ĐT quận Hoàng Mai về việc đề xuất đầu tư cho các trường công nhận lại chuẩn Quốc gia giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Biên bản họp và kết quả rà soát của nhà trường về các tiêu chuẩn trường chuẩn Quốc gia,

Trường MN Thịnh Liệt báo cáo kết quả rà soát và đề xuất nhu cầu đầu tư cơ sở vật chất phục vụ công nhận chuẩn Quốc gia cụ thể như sau:

1. Số liệu trường, lớp, học sinh, CBQL, GV, NV:

a. Số lượng, trình độ CBGVNV:

Chức danh	Tổng số	Biên chế	Hợp đồng Quận	Hợp đồng trường	Đăng viên	Trình độ chuyên môn				
						Chưa qua ĐT	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Thạc sỹ
BGH	03	03	0	0	3	0	0	0	02	01
GV	48	48	3	0	7	0	11	08	32	0
NV ND	15	0	19	0	1	0	07	12	0	0

NV các BP khác	8	2	5	0	1	0	01	0	1	0
Tổng	74	53	27	0	12	0	19	20	36	0

b. Số liệu học sinh, phòng học:

TT	Khối	Số lớp	Số trẻ	Số trẻ/lớp	Lưu ý
1	Nhà trẻ	1	31	31 trẻ	
2	Mẫu giáo bé	5	196	39.2 trẻ	
3	Mẫu giáo nhỡ	8	306	38.2 trẻ	
4	Mẫu giáo lớn	9	366	40.6 trẻ	
Tổng số		23	899	39 trẻ	

2. Hiện trạng cơ sở vật chất nhà trường:

- Trường mầm non Thịnh Liệt có 3 điểm trường nằm tại vị trí trung tâm phường Thịnh Liệt giao thông đi lại thuận lợi. 3 điểm trường được đặt tại vị trí gần nhau, thuận lợi cho phụ huynh đưa trẻ đến trường.

- Nêu tổng quan hiện trạng CSVN của nhà trường:

TT	Nội dung (Theo các tiêu chuẩn)	Hiện trạng nhà trường (Nêu rõ số liệu tương ứng)	Tự đánh giá	
			Đạt/ Chưa đạt	Lý do chưa đạt
1	Định mức diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình			
a	Khối phòng hành chính quản trị được thực hiện theo các quy định hiện hành;	-Nhà trường có đầy đủ các phòng thuộc khối hành chính quản trị theo quy định hiện hành bao gồm: Văn phòng trường, phòng HT, phòng PHT, phòng hành chính quản trị, phòng y tế, phòng bảo vệ, phòng nhân viên.	Đạt	
b	Các khối: phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em; phòng tổ chức ăn; phụ trợ được quy định chi tiết như sau:			
-	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ em			

TT	Nội dung (Theo các tiêu chuẩn)	Hiện trạng nhà trường (Nêu rõ số liệu tương ứng)	Tự đánh giá	
			Đạt/ Chưa đạt	Lý do chưa đạt
	<p>Khu sinh hoạt chung: 1,50 m² /trẻ em.</p> <p><i>Tổng diện tích không nhỏ hơn 24m² với nhóm trẻ, 36m² với lớp mẫu giáo.</i></p>	<p>- Tổng diện tích khu sinh hoạt chung của 23 nhóm lớp là 2247,5m².</p> <p>- Diện tích trung bình khu sinh hoạt chung là 97,7m²/lớp, đạt 2.5m²/trẻ (số trẻ 899). Diện tích vượt so với quy định.</p>	Đạt	
	<p>Khu ngủ: 1,20 m² /trẻ em.</p> <p><i>Tổng diện tích không nhỏ hơn 18m² với nhóm trẻ, 30m² với lớp mẫu giáo.</i></p>	<p>- Diện tích khu sinh hoạt chung của 23 nhóm lớp đồng thời được sử dụng làm phòng ngủ cho trẻ, có diện tích là 2247,5m²</p> <p>- Diện tích trung bình khu ngủ của trẻ là 97.7m²/lớp, đạt 2.5m²/trẻ (Số trẻ 899). Diện tích vượt so với quy định.</p>	Đạt	
+	<p>Khu vệ sinh : 0,40 m² /trẻ em.</p> <p><i>Tổng diện tích không nhỏ hơn 12m².</i></p>	<p>- Nhà trường có khu vệ sinh riêng của từng nhóm lớp với diện tích 404m².</p> <p>- Diện tích trung bình khu vệ sinh là 17,57m²/lớp, đạt 0,45m²/trẻ (Số trẻ: 899).</p>	Đạt	
+	<p>Hiên chơi đón trẻ: 0,50 m² /trẻ em.</p> <p><i>Chiều rộng thông thủy không nhỏ hơn 2,1m².</i></p>	<p>- Nhà trường có hiên chơi đón trẻ của từng nhóm lớp với diện tích là: 603m²/23 lớp.</p> <p>- Trung bình đạt 26,2m²/lớp, 0,67m²/trẻ (Số trẻ: 899).</p>	Đạt	

TT	Nội dung (Theo các tiêu chuẩn)	Hiện trạng nhà trường (Nêu rõ số liệu tương ứng)	Tự đánh giá	
			Đạt/ Chưa đạt	Lý do chưa đạt
+	Kho nhóm lớp: 6m ² / kho	- 23 lớp học đều có phòng kho riêng, với diện tích 188m ² /23 lớp. (CS3: 93m ² , CS2:45m ² , CS1: 50m ²). - Trung bình diện tích phòng kho 1 lớp là: 8.17m ² /lớp. Diện tích vượt so với quy định.	Đạt	
+	Phòng giáo viên : 12m ² / phòng.	- Nhà trường có phòng cho giáo viên diện tích 17m ² .	Đạt	
-	Phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật			
+	Phòng giáo dục thể chất: 2m ² /trẻ em. <i>Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m² / phòng</i>	- Nhà trường xây dựng khu thể chất riêng biệt được trải cỏ nhân tạo, có mái che và nhiều đồ dùng, đồ chơi phát triển thể lực, kỹ năng cho trẻ. - Diện tích khu thể chất: 63,24m ² . Diện tích bình quân/trẻ là 0.07m ² . (Tính đến thời điểm số trẻ tháng 10 là 899 trẻ)	Đạt	
+	Phòng giáo dục nghệ thuật: 2m ² /trẻ em. <i>Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m² / phòng</i>	- Nhà trường có 3 phòng nghệ thuật tại cơ sở I (45m ²), cơ sở II (67m ²) và cơ sở III (82m ²) với tổng diện tích là 194m ² . Trung bình 64.7m ² /phòng. - Diện tích bình quân trên trẻ là 0.2m ² /trẻ. (Tính đến thời điểm số trẻ tháng 10 là 899 trẻ)	Đạt	
+	Phòng đa năng: 2m ² /trẻ em	- Nhà trường có các phòng: Thực hành kỹ năng cuộc sống	Đạt	

TT	Nội dung (Theo các tiêu chuẩn)	Hiện trạng nhà trường (Nêu rõ số liệu tương ứng)	Tự đánh giá	
			Đạt/ Chưa đạt	Lý do chưa đạt
	<i>Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m² / phòng</i>	(60m ²), phòng làm quen với Tiếng Anh (67m ²), với tổng diện tích 127m ² . Diện tích trung bình mỗi phòng 63,5m ² . - Diện tích bình quân trên trẻ 0,14m ² /trẻ.		
-	Sân chơi riêng: + 1m ² /trẻ em nhà trẻ + 2m ² /trẻ em mẫu giáo.	- Nhà trường có tổng diện tích sân chơi là 1901.4m ² . - Diện tích sân chơi trên trẻ: 2,11m ² /trẻ (Tính tại thời điểm tháng 10, số trẻ 899).	Đạt	
*	Khối phòng tổ chức ăn			
-	Nhà bếp: 0,3m ² /trẻ em.	- Bếp ăn có tổng diện tích là 289,4m ² /899 trẻ (Tính đến thời điểm tháng 10/2020), đảm bảo 0,32m ² /trẻ.	Đạt	
-	Kho bếp: + 10 m ² /kho thực phẩm + 12 m ² /kho lương thực	- Tổng diện tích kho bếp là 52.4m ² . Diện tích trung bình 17.46m ² /kho.	Đạt	
*	Khối phụ trợ			
-	Phòng họp: 1,20 m ² /người	- Tổng diện tích các phòng họp trong nhà trường là 184m ² . - Diện tích bình quân trên tổng số CBGVNV là 2,45m ² / người. (Tính đến thời điểm tháng	Đạt	

TT	Nội dung (Theo các tiêu chuẩn)	Hiện trạng nhà trường (Nêu rõ số liệu tương ứng)	Tự đánh giá	
			Đạt/ Chưa đạt	Lý do chưa đạt
		10/2020)		
-	Phòng y tế: 10 m ² /phòng	- Diện tích phòng y tế cơ sở I: 15,2m ² . - Diện tích phòng y tế cơ sở II: 17m ² . - Diện tích phòng y tế cơ sở III: 10m ² .	Đạt	
-	Nhà kho: 40 m ² /kho	- Tổng diện tích nhà kho tại các cơ sở là 182m ² . - Diện tích kho trung bình tại các cơ sở: 60.6m ²	Đạt	
-	Sân vườn: <u>3m² /trẻ em</u> <i>Trong đó: sân vườn dành riêng cho trẻ khám phá trải nghiệm : 0,3m² /trẻ em.</i>	- Sân vườn và các sảnh cho trẻ hoạt động khám phá trải nghiệm với diện tích 2809 m ² /899 trẻ, bình quân 3,2 m ² /trẻ. (Số trẻ tính đến thời điểm tháng 10/2020)	Đạt	
2	Các hạng mục công trình phục vụ trực tiếp cho hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em cao không quá 03 tầng; bảo đảm điều kiện cho trẻ em khuyết tật tiếp cận sử dụng.	- Khu lớp học của trẻ đặt tại tầng 1, tầng 2, tầng 3, thuận tiện cho hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ.	Đạt	

TT	Nội dung (Theo các tiêu chuẩn)	Hiện trạng nhà trường (Nêu rõ số liệu tương ứng)	Tự đánh giá	
			Đạt/ Chưa đạt	Lý do chưa đạt
II	Tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu (điều 6)			
1	Khối phòng hành chính quản trị			
a	Phòng Hiệu trưởng: có phòng làm việc và đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành.	Phòng làm việc của hiệu trưởng có bàn ghế làm việc, bàn ghế tiếp khách và các phương tiện làm việc như: máy tính kết nối internet, máy in, tủ đựng tài liệu,...	Đạt	
b	Phòng Phó Hiệu trưởng: đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành.	Có 02 phòng làm việc cho 02 phó hiệu trưởng, mỗi phòng có bàn ghế làm việc và các phương tiện làm việc như: máy tính kết nối internet, máy in, tủ đựng tài liệu,...	Đạt	
c	Văn phòng trường: bảo đảm có 01 phòng; có đầy đủ máy móc, thiết bị văn phòng theo quy định hiện hành.	Văn phòng trường có diện tích 30m ² , có đầy đủ bàn ghế để hội họp, thiết bị âm thanh, cờ đỏ, tượng Bác, biểu bảng tuyên truyền, tủ đựng giấy khen, bục phát biểu, ti vi, điều hòa,... được bố trí sắp xếp khoa học, có thẩm mỹ, là nơi tổ chức các sự kiện quan trọng cũng như các hoạt động chung của nhà trường.	Đạt	
d	Phòng dành cho nhân viên: bảo đảm có 01 phòng; có tủ để đồ dùng cá nhân;	Có 01 phòng dành cho nhân viên với diện tích 17m ² , có tủ để đồ dùng cá nhân theo quy định.	Đạt	

TT	Nội dung (Theo các tiêu chuẩn)	Hiện trạng nhà trường (Nêu rõ số liệu tương ứng)	Tự đánh giá	
			Đạt/ Chưa đạt	Lý do chưa đạt
đ	Phòng bảo vệ: bảo đảm có 01 phòng; đặt ở gần lối ra vào của trường, có vị trí quan sát thuận lợi;	Có 01 phòng bảo vệ đặt tại khu vực cổng trường, có thể quan sát thuận lợi, được trang bị các đồ dùng như: đồng hồ, bảng phân công lịch trực, tủ đựng đồ, bàn làm việc, điều hòa.	Đạt	
e	Khu vệ sinh giáo viên, cán bộ, nhân viên: bố trí theo các khối phòng chức năng, phòng vệ sinh nam, nữ riêng biệt. Trường hợp khu vệ sinh riêng biệt cần đặt ở vị trí thuận tiện cho sử dụng, không làm ảnh hưởng môi trường;	Khu vệ sinh dành cho cán bộ, giáo viên, nhân viên của nhà trường có tổng diện tích 104.4m ² /10phòng. Trung bình 10m ² /phòng), được đặt tại các tầng các cơ sở. Có phòng dành cho nam/nữ riêng biệt với đầy đủ trang thiết bị vệ sinh như bình nóng lạnh, bồn rửa,...đảm bảo sạch sẽ, an toàn.	Đạt	
g	Khu để xe của giáo viên, cán bộ, nhân viên: có mái che và đủ chỗ cho giáo viên, cán bộ, nhân viên của trường.	Khu để xe cho cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên được bố trí hợp lý, có mái che lợp tôn kiên cố, thông thoáng, dễ lấy cất xe, đảm bảo an toàn, trật tự không ảnh hưởng đến các hoạt động chung của nhà trường.	Đạt	
2	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em			
a	Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em. Bảo đảm mỗi nhóm, lớp có một phòng, bao gồm các phân khu chức năng:			
-	Khu sinh hoạt chung để tổ chức	- Mỗi lớp có 1-2 phòng riêng biệt để tổ chức các hoạt động	Đạt	

TT	Nội dung (Theo các tiêu chuẩn)	Hiện trạng nhà trường (Nêu rõ số liệu tương ứng)	Tự đánh giá	
			Đạt/ Chưa đạt	Lý do chưa đạt
	các hoạt động học, chơi và ăn.	tổ chức học, hoạt động chơi và ăn cho các con.		
-	Nơi ngủ (đối với nhóm, lớp mẫu giáo có thể sử dụng chung với khu sinh hoạt chung)	- Cơ sở II và cơ sở III của nhà trường mỗi lớp có phòng ngủ riêng cho trẻ.	Đạt	
-	Khu vệ sinh được xây dựng khép kín với phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, có vách ngăn cao 1,20 m giữa chỗ đi tiêu và bồn cầu, bố trí từ 02 đến 03 tiểu treo dùng cho trẻ em trai (hoặc máng tiêu có chiều dài tối thiểu 2,0m) và từ 02 đến 03 xí bột dùng cho trẻ em gái, khu vực rửa tay của trẻ em được bố trí riêng với tiêu chuẩn 08 trẻ em/chậu rửa, các thiết bị vệ sinh được lắp đặt phù hợp với độ tuổi; đối với trẻ em mẫu giáo cần bố trí nhà vệ sinh riêng cho trẻ em trai, trẻ em gái; trường hợp	<p>- Nhà trường có phòng vệ sinh khép kín với phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ.</p> <p>- Có vách ngăn cao 1.2m giữa các bồn cầu và giữa các tiểu treo của trẻ.</p> <p>- Có chỗ đi vệ sinh riêng biệt cho trẻ em trai và trẻ em gái.</p> <p>- Tiểu treo dùng cho trẻ nam: 27cái/9lớp (mỗi lớp 3 cái) tại cơ sở 3. Cơ sở I cơ sở II, dung bồn cầu cho cả em trai và em gái.</p> <p>- Bồn cầu: 143cái/23 lớp, TB đạt 6,2 cái/lớp.</p> <p>- Khu vực rửa tay của trẻ có 115 chậu rửa/23 lớp/899 trẻ. TB đạt 5 chậu rửa/lớp, đạt 7.8 trẻ/1 chậu rửa. (Tính tại thời điểm tháng 10 có 899 trẻ)</p> <p>- Các thiết bị vệ sinh được lắp đặt phù hợp với độ tuổi, có vách ngăn cách giữa khu vực vệ sinh của trẻ em trai và trẻ</p>	Đạt	

TT	Nội dung (Theo các tiêu chuẩn)	Hiện trạng nhà trường (Nêu rõ số liệu tương ứng)	Tự đánh giá	
			Đạt/ Chưa đạt	Lý do chưa đạt
	khu vệ sinh được xây dựng riêng biệt phải liên hệ với phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em bằng hành lang giao thông, thuận tiện cho sử dụng và dễ quan sát.	em gái theo quy định. * Đối với cơ sở I: - Hiện trạng nhà vệ sinh và cống thường xuyên bị tắc do thiết kế xây dựng đã lâu năm. - Số chậu rửa tay trong nhà vệ có 24 chậu rửa/5 lớp/ 200 trẻ (Tính đến thời điểm tháng 10/2020), đạt 4.8 chậu/lớp; 8.3 trẻ/ chậu rửa.		
-	Hiên chơi, đón trẻ em: thuận tiện cho việc đưa, đón và sinh hoạt của trẻ em khi trời mưa, nắng; xung quanh hiên chơi cần có lan can với chiều cao không nhỏ hơn 1,0m;	- Nhà trường có hiên chơi đón trẻ của từng nhóm lớp thuận tiện cho việc đưa, đón và sinh hoạt của trẻ khi trời mưa, nắng; xung quanh hiên chơi có lan can với chiều cao 1,2m, sử dụng các thanh đứng với khoảng cách giữa hai thanh 0,1m, đảm bảo an toàn cho trẻ.	Đạt	
b	Phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật: liên hệ với phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em bằng hành lang giao thông; -Đối với trường có quy mô đến 14 nhóm, lớp, bảo đảm tối thiểu có 01 phòng sử dụng	- Khu thể chất với phòng nghệ thuật của nhà trường liên hệ với phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ bằng hành lang giao thông. - Nhà trường có tổng số 23 lớp. Nhà trường có khu hoạt động thể chất và phòng nghệ thuật. Tại cơ sở I có 5 lớp học có 1 phòng nghệ thuật cho trẻ.	Đạt	

TT	Nội dung (Theo các tiêu chuẩn)	Hiện trạng nhà trường (Nêu rõ số liệu tương ứng)	Tự đánh giá	
			Đạt/ Chưa đạt	Lý do chưa đạt
	<p>chung cho giáo dục thể chất và nghệ thuật (phòng đa năng);</p> <p>- Đối với trường có quy mô lớn hơn 14 nhóm, lớp có tối thiểu 01 phòng giáo dục nghệ thuật và 01 phòng giáo dục thể chất;</p> <p>-Điểm trường có quy mô từ 05 nhóm, lớp trở lên, bố trí tối thiểu 01 phòng đa năng;</p>			
c	Sân chơi riêng: lắp đặt các thiết bị và đồ chơi ngoài trời theo quy định.	- Sân chơi được trải cỏ nhân tạo, được bố trí nhiều đồ chơi ngoài trời đa dạng các chủng loại theo yêu cầu.	Đạt	
3	Khối phòng tổ chức ăn (áp dụng cho các trường có tổ chức nấu ăn)			
a	Nhà bếp: độc lập với các khối phòng chức năng khác; gồm có khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu ăn, khu chia thức ăn; được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều.	<p>Nhà bếp được xây dựng kiên cố, khang trang, độc lập với các nhóm, lớp và sân chơi, gồm có: khu giao nhận thực phẩm, khu sơ chế, khu chế biến, khu nấu, khu chia thức ăn, được thiết kế và tổ chức theo dây chuyền hoạt động một chiều.</p> <p>Riêng đối với bếp ăn cơ sở I đảm bảo sắp xếp dây chuyền, đồ dùng theo 1 chiều song bếp chỉ</p>	Đạt	

TT	Nội dung (Theo các tiêu chuẩn)	Hiện trạng nhà trường (Nêu rõ số liệu tương ứng)	Tự đánh giá	
			Đạt/ Chưa đạt	Lý do chưa đạt
		có diện tích mở được 1 cửa vào.		
b	Kho bếp: phân chia riêng biệt kho lương thực và kho thực phẩm; có lối nhập, xuất hàng thuận tiện, độc lập và phân chia khu vực cho từng loại thực phẩm; có thiết bị bảo quản thực phẩm.	Có kho thực phẩm riêng, được phân chia thành các khu vực để các loại: lương thực, thực phẩm riêng biệt, sắp xếp ngăn nắp, thuận tiện cho việc nhập và xuất kho hàng ngày. Có giá kệ, thùng đựng, đảm bảo các quy định về vệ sinh ATTP.	Đạt	
4	Khối phụ trợ			
a	Phòng họp: bảo đảm có 01 phòng; sử dụng làm nơi sinh hoạt chung và làm việc chuyên môn của giáo viên ngoài giờ lên lớp, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành.	Có 01 phòng họp (phòng sinh hoạt chuyên môn) đầy đủ bàn ghế để hội họp, tủ đựng bài soạn, giáo án, các biểu bảng thông tin hoạt động, kế hoạch hoạt động của các tổ chuyên môn trong nhà trường.	Đạt	
b	Phòng Y tế: bảo đảm có 01 phòng; vị trí thuận tiện cho công tác sơ cứu, cấp cứu; có tủ thuốc với các loại thuốc thiết yếu, dụng cụ sơ cứu, giường bệnh;	Mỗi cơ sở có 01 phòng y tế, đặt tại tầng 1 thuận tiện cho công tác sơ cứu, cấp cứu. Có các trang thiết bị y tế và đồ dùng theo dõi sức khỏe của trẻ như: Các bảng biểu thông báo các biện pháp tích cực can thiệp chữa bệnh và chăm sóc trẻ suy dinh dưỡng, trẻ béo phì, có bảng theo dõi cân đo và	Đạt	

TT	Nội dung (Theo các tiêu chuẩn)	Hiện trạng nhà trường (Nêu rõ số liệu tương ứng)	Tự đánh giá	
			Đạt/ Chưa đạt	Lý do chưa đạt
		khám sức khỏe định kỳ cho trẻ, có tranh ảnh tuyên truyền chăm sóc sức khỏe, phòng bệnh cho trẻ, phác đồ điều trị có tủ lưu trữ hồ sơ, tủ thuốc với đủ các danh mục thuốc theo quy định.		
c	Nhà kho: bảo đảm có 01 phòng để dụng cụ chung và học phẩm của trường;	Tại các cơ sở nhà trường đều có nhà kho, đặt tại các vị trí khác nhau dùng để chứa đồ dùng, đồ chơi, học liệu của nhà trường.	Đạt	
d	Sân vườn: gồm sân chơi chung và vườn cây, bãi cỏ; được sử dụng để tổ chức các khu trò chơi vận động và sân khấu ngoài trời. Sân bằng phẳng, không trơn trượt, mát mẻ, có cây xanh tạo bóng mát sân trường;	Sân chơi chung được xây dựng kích thích trẻ sử dụng để tổ chức các khu trò chơi vận động và sân khấu ngoài trời. Sân được lát gạch bằng phẳng, trải cỏ nhân tạo không trơn trượt, mát mẻ, có nhiều cây xanh tạo bóng mát sân trường.	Đạt	
đ	Cổng, hàng rào: khuôn viên của trường, điểm trường phải ngăn cách với bên ngoài bằng hàng rào bảo vệ (tường xây hoặc hàng rào cây xanh), bảo đảm vững chắc, an toàn;	- Có cổng trường và hàng rào bao quanh ngăn cách với bên ngoài bằng gạch có chiều cao 1,5-4m, được xây dựng kiên cố, vững chắc, an toàn, để gắn biển tên trường với đầy đủ thông tin theo quy định.	Đạt	

TT	Nội dung (Theo các tiêu chuẩn)	Hiện trạng nhà trường (Nêu rõ số liệu tương ứng)	Tự đánh giá	
			Đạt/ Chưa đạt	Lý do chưa đạt
	cổng trường, điếm trường phải kiên cố, vững chắc để gắn công và biển tên trường.			
5	Hạ tầng kỹ thuật			
a	Hệ thống cấp nước sạch: đáp ứng nhu cầu sử dụng, bảo đảm các quy định và tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành; hệ thống thoát nước, cống thu gom kết hợp rãnh có nắp đậy và hệ thống xử lý nước thải bảo đảm chất lượng nước thải theo quy định trước khi thải ra môi trường;	<p>- Nhà trường hiện đang sử dụng nước uống, nước sinh hoạt do công ty nước sạch Hà Nội cung cấp. Thực hiện xét nghiệm mẫu nước định kỳ 6 tháng/lần và bảo đảm các quy định về tiêu chuẩn chất lượng nước theo quy định hiện hành của Bộ y tế.</p> <p>- Hệ thống thoát nước: Cống thoát nước được lắp đặt ngầm, có nắp đậy, được kết nối với hệ thống thoát nước của phường, khu vực xung quanh trường không có nước ứ đọng.</p> <p>- Nhà trường tiến hành thông tắc, thau rửa bể chứa nước, đường cống thoát nước định kỳ 2 lần/năm. Thường xuyên bổ sung cho các nhóm lớp bột thông cống, nước rửa bồn cầu,...</p>	Đạt	
b	Hệ thống cấp điện: bảo đảm đủ công suất và an toàn phục vụ hoạt động của trường;	Nhà trường có hệ thống điện đảm bảo đủ công suất và an toàn phục vụ cho hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục của nhà trường.	Đạt	
c	Hệ thống phòng	- Hệ thống PCCC của nhà	Đạt	

TT	Nội dung (Theo các tiêu chuẩn)	Hiện trạng nhà trường (Nêu rõ số liệu tương ứng)	Tự đánh giá	
			Đạt/ Chưa đạt	Lý do chưa đạt
	cháy, chữa cháy: bảo đảm theo các quy định hiện hành.	trường đảm bảo theo các quy định hiện hành. Xây dựng phương án PCCC theo nghị định 83/2017/NĐ-CP. - Trang bị một số phương tiện PCCC như: bình bột chữa cháy loại 8kg, bình bột ABCE loại 6kg, bình chữa cháy xe đẩy bột loại 50kg, bình khí chữa cháy CO2, hộp cứu hỏa, máy bơm chữa cháy, lăng/vòi/dây dẫn chữa cháy, nội quy, tiêu lệnh PCCC, bộ đồ bảo hộ PCCC,...		
d	Hạ tầng công nghệ thông tin, liên lạc: điện thoại, kết nối mạng internet phục vụ các hoạt động của trường;	- 100% máy tính văn phòng, máy tính các lớp được kết nối mạng internet. Nhà trường có trang website, zalo để cập nhật các thông tin tuyên truyền về các hoạt động của nhà trường với PHHS.	Đạt	
đ	Khu thu gom rác thải: bố trí độc lập, cách xa các khối phòng chức năng, ở cuối hướng gió; có lối ra vào riêng, thuận lợi cho việc thu gom, vận chuyển rác; có hệ thống thoát nước riêng, không ảnh hưởng đến môi trường.	- Nhà trường ký hợp đồng với công ty vệ sinh môi trường tiến hành thu gom rác thải hàng ngày. - Vị trí tập kết rác thải chung của toàn trường: Đặt ở phía sau trường, cách xa các nhóm lớp, gần cổng phụ thuận tiện cho việc thu gom, vận chuyển rác. - Trang bị 100% các lớp, các phòng, các sảnh hành lang thùng rác có nắp đậy. Tại khu	Đạt	

TT	Nội dung (Theo các tiêu chuẩn)	Hiện trạng nhà trường (Nêu rõ số liệu tương ứng)	Tự đánh giá	
			Đạt/ Chưa đạt	Lý do chưa đạt
		vực sân trường bố trí thùng rác to theo quy định. - Có hệ thống thoát nước riêng: cống thoát nước có nắp đậy, hàng năm được thau rửa, nạo vét sạch sẽ không ảnh hưởng đến môi trường.		
6	Các hạng mục công trình quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố. Tỷ lệ công trình kiên cố không dưới 40%.	Các hạng mục như: Khối phòng hành chính quản trị, khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em, khối phòng tổ chức ăn, khối phụ trợ, đều được xây dựng khang trang, kiên cố.	Đạt	
7	Thiết bị dạy học được trang bị bảo đảm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.	- Nhà trường có các thiết bị, đồ dùng, đồ chơi đáp ứng yêu cầu tối thiểu phục vụ chăm sóc nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Điều lệ trường mầm non. - Các lớp trong nhà trường có đủ trang thiết bị, đồ dùng, đồ chơi theo quy định và được sử dụng thường xuyên phục vụ tốt công tác chăm sóc nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục trẻ theo hướng dẫn tại Thông tư số 01/VBHN-BGD&ĐT ngày 23 tháng 3 năm 2015 về việc ban hành danh mục đồ dùng, đồ chơi, thiết bị dạy học tối thiểu dùng cho Giáo dục mầm non	Đạt	

- Nêu những tiêu chí về CSVC hiện chưa đạt (*nêu rõ căn cứ quy định tại Thông tư nào ?*)

+ Hiện nhà trường chưa có phòng tin học. Theo thông tư 13 số 13/2020/TT-BGD&ĐT ngày 26/5/2020 của Bộ GD&ĐT ban hành quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, không có phòng tin học, trường không đạt chuẩn mức độ 2.

+ Cơ sở I của nhà trường nhà vệ sinh xuống cấp. Một số nhà vệ sinh thường xuyên tắc do thiết kế và sử dụng trong một thời gian dài. (16 năm)

- Diện tích bép cơ sở I còn chật hẹp, 60m²/200 trẻ.

3. Đề xuất nhu cầu và nội dung cần đầu tư:

- Các cấp lãnh đạo rà soát, sửa chữa cơ sở vật chất tại cơ sở III của nhà trường tại số 121- phố Nguyễn Chính- Thịnh Liệt- Hoàng Mai- Hà Nội.

- Bổ sung lưới chắn an toàn tại các cơ sở nhà trường.

- Thay hệ thống cửa tại các phòng học, văn phòng cơ sở II nhà trường do hiện nay đã bị mối xông hỏng.

- Sửa chữa lại hệ thống báo cháy, chữa cháy tại cơ sở, lắp mới hệ thống báo cháy và chữa cháy tại cơ sở I của nhà trường.

- Thay hệ thống đèn chiếu sáng lớp học, bổ xung một số trang thiết bị như máy tính, ti vi, điều hòa,... phục vụ cho công tác chăm sóc giáo dục trẻ.

- Đề xuất xây dựng phương án xây mới cơ sở I của nhà trường để đảm bảo các điều kiện giảng dạy và học tập của giáo viên- học sinh trong giai đoạn hiện nay.

- Đề xuất cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho 3 điểm trường của nhà trường tại các địa chỉ:

Cơ sở I: Số 16 ngách 143/34 Nguyễn Chính- Thịnh Liệt – Hoàng Mai – Hà Nội.

Cơ sở II: Số 134 ngõ 141 Giáp Nhị- Thịnh Liệt – Hoàng Mai – Hà Nội.

Cơ sở III: Số 121 Phố Nguyễn Chính- Thịnh Liệt- Hoàng Mai- Hà Nội.

4. Đề xuất thời gian thực hiện - hoàn thành:

- Hạng mục cửa và cải tạo sửa chữa các hạng mục ngầm dột, nứt nghiêng tường rào, bong nền,... tại cơ sở III- Số 121 phố Nguyễn Chính đề xuất hoàn thành trong năm 2020.

- Hạng mục thay cửa gỗ bằng cửa nhựa lõi thép tại cơ sở II đề xuất hoàn thành trong năm 2020.

- Các nội dung còn lại đề xuất hoàn thành trước năm 2023./.

Nơi nhận:

- Phòng GD&ĐT;

- Tổ nghiệp vụ PGD&ĐT;

- Lưu: VT.

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Thị Thanh Hồng

